

みんなde なかよく!
minna de nakayoku manabousai!!
まなぼうさい!!



タスケ三兄弟

さいがい
災害ってなに？

この資料は財団法人自治体国際化協会の
助成により作成されています

みんなde なかよく!
minna de nakayoku manabousai!!
まなぼうさい!!



タスケ三兄弟

Thiên tai là gì?

Tài liệu này được tạo dưới sự hỗ trợ của Hiệp
hội quốc tế hoá cấp tỉnh, thành phố

(中国語)

ぼうさい さいがい 防災と災害

ぼうさい さいがい じぶん み まも
防災とは災害から自分たちの身を守ることです。

まずは、さいがい し
災害がどんなものかを知りましょう。



Thiên tai và phòng chống thiên tai

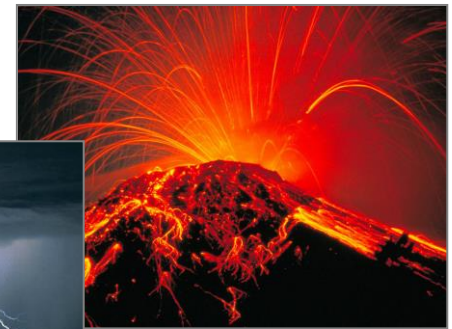
Phòng chống thiên tai là việc bảo vệ chính bản thân chúng ta khỏi thiên tai.

Trước tiên, chúng ta hãy cùng tìm hiểu xem thiên tai là gì nhé.



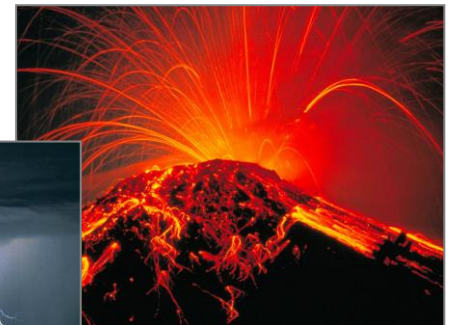
さいがい 災害とは

いじょう しぜんげんしょう かぜ あめ ゆき こうずい たかしお じしん つなみ
異常な自然現象（風、雨、雪、洪水、高潮、地震、津波、
かざん ほか おお かじ ばくはつ げんいん
火山、その他）、または大きな火事や爆発などの原因に
よってひと たてもの う ひがい
よって人や建物などが受ける被害のこと



Thiên tai

Là hiện tượng tự nhiên không bình thường (chẳng hạn như gió, mưa, tuyết, lũ lụt, thủy triều dâng cao, động đất, sóng thần, núi lửa, và những hiện tượng khác), hơn nữa thiên tai còn dẫn đến hỏa hoạn và cháy nổ, từ đó gây ra nhiều thiệt hại cho con người và các công trình. v.v...



1. 大雨

普段、ときどき降っている雨でも、短い時間に大量に降れば、とても大きな被害になる危険があります。

河川の氾らんにより、洪水が起こったり、雨水が地面に溜まって、浸水が起こったり、土砂災害の原因になったりもします。



平成22年7月大雨被害の様子

1. Mưa lớn

Thông thường, nếu lượng mưa rơi nhiều trong một khoảng thời gian ngắn, cho dù đó là cơn mưa gián đoạn, thì vẫn có nguy cơ gây ra thiệt hại lớn.

Mưa lớn là nguyên nhân khiến nước sông tràn bờ, dẫn đến lũ lụt, nước mưa đọng lại trên mặt đất, nước ngập, sạt lở đất.



Hình ảnh mưa lớn gây thiệt hại vào tháng 7/2010



うりょう こうすいりょう 雨量（降水量）

ふ あめ ゆき りょう すうち うりょう
降った雨（雪など）の量を数値にしたものを雨量
こうすいりょう い
（降水量）と言います。

ちいき ちが じかん うりょう
地域によって違いますが、1時間の雨量がおおよそ20～
40 ミリで「おおあめちゅういほう
大雨注意報」、おおよそ40～60 ミリで「おおあめ
けいほう だ めやす
警報」が出される目安となります。



Lượng mưa (lượng nước mưa)

Lượng mưa (lượng nước mưa) là giá trị bằng số của lượng nước mưa (hoặc tuyết, v.v...) đã rơi.

Tùy vào mỗi khu vực sẽ có sự khác nhau về lượng mưa, tuy nhiên khi lượng mưa rơi trong 1 giờ đạt từ khoảng 20 ~ 40mm sẽ được xem là “Cảnh báo mưa lớn”, đạt từ khoảng 40 ~ 60mm sẽ được xem là “Báo động mưa lớn”.



あめ つよ ふ かた 雨の強さと降り方

※気象庁資料より抜粋

じかん うりょう 1時間の雨量	よほうようご 予報用語	じっさい じょうきょう 実際の状況やイメージ
10～20 ミリ	つよ あめ やや強い雨	あまおと はなし き 雨音で話が聞こえないことがある
20～30 ミリ	つよ あめ 強い雨	そっこう げすい 側溝や下水があふれることがある
30～50 ミリ	はげ あめ 激しい雨	かえ ふ バケツをひっくり返したように降る
50～80 ミリ	ひじょう 非常に はげ あめ 激しい雨	たき ふ 滝のように降る
80 ミリ以上 いじょう	もうれつ あめ 猛烈な雨	いきぐる かん 息苦しくなるような感じがする きょうふ かん 恐怖を感じる

Mức độ và cường độ của mưa

*Trích từ tài liệu của Cơ quan Khí tượng Nhật Bản

Lượng mưa trong 1 giờ	Thuật ngữ dùng trong dự báo thời tiết	Tình trạng và hình ảnh thực tế
10 ~ 20mm	Mưa hơi lớn	Không thể nghe thấy tiếng nói chuyện do tiếng ồn của mưa
20 ~ 30mm	Mưa lớn	Ngập ở các con rãnh và cống thoát nước
30 ~ 50mm	Mưa dữ dội	Mưa rơi như trút nước
50 ~ 80mm	Mưa vô cùng dữ dội	Mưa như thác nước
Từ 80 mm trở lên	Mưa lớn khủng khiếp	Mưa đến nỗi có cảm giác như ngập thở Cảm thấy đáng sợ

2. ^{たいふう}台風

^{みなみ}南の^{あたた}暖かい^{うみ}海の上で^{うえ}発生する^{はっせい}強い^{つよ}風の^{かぜ}大きな^{おお}渦を^{うず}
^{たいふう}台風と呼びます。

^{にほん}日本は^{たいふう}台風の^{とお}通り道になることが^{みち}多く、^{おお}強い^{つよ}雨と^{あめ}風が^{かぜ}
^お起こり、^{たかしお}高潮などの^{げんいん}原因にもなるので、これまでにも
^{ひがい}たくさんの被害が^で出ています。



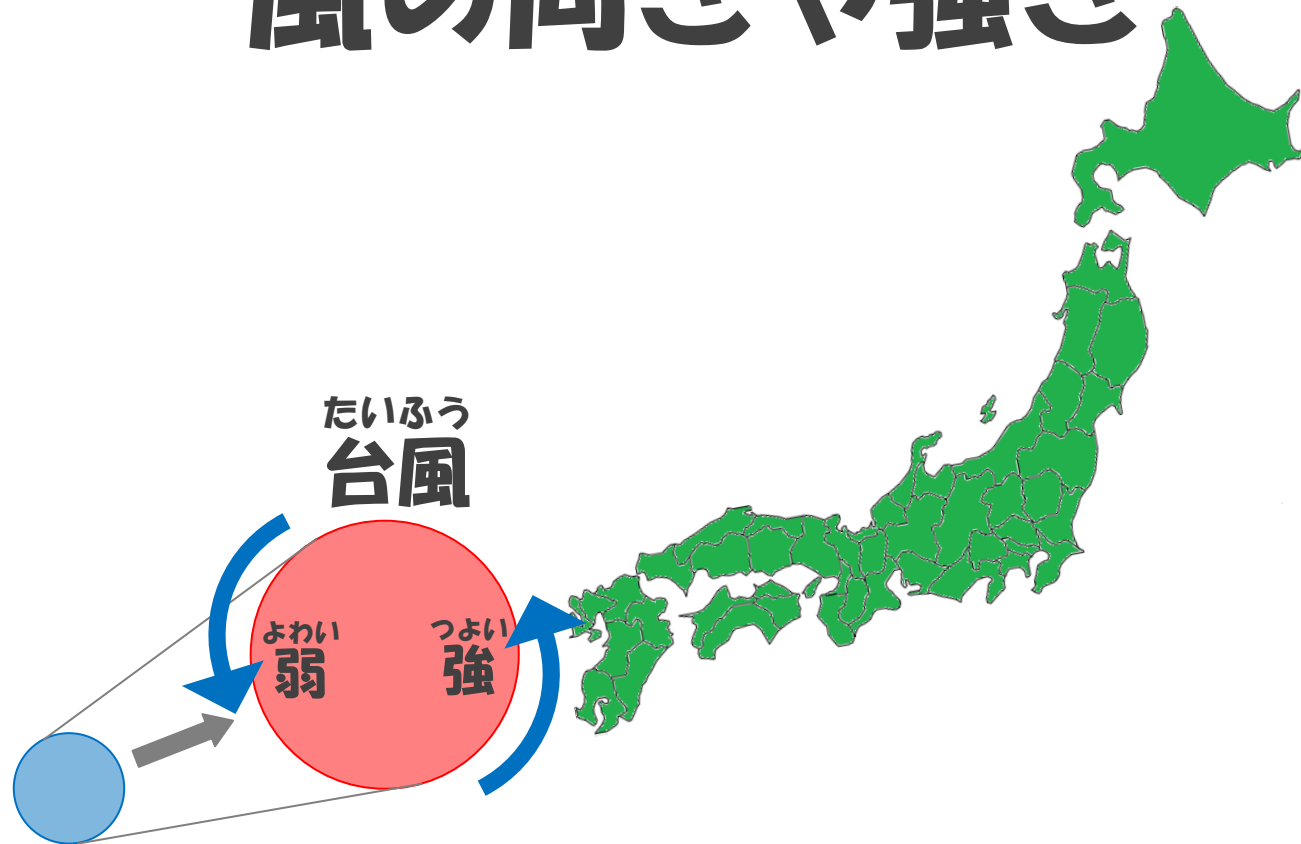
2. Bão

Vùng gió xoáy mạnh hình thành trên biển nhiệt đới ở phía Nam được gọi là bão.

Ở Nhật Bản, do bão có nhiều hướng đi, kèm theo mưa và gió mạnh nổi lên, thủy triều dâng cao, v.v... nên từ trước đến nay các thiệt hại do bão xảy ra rất nhiều.

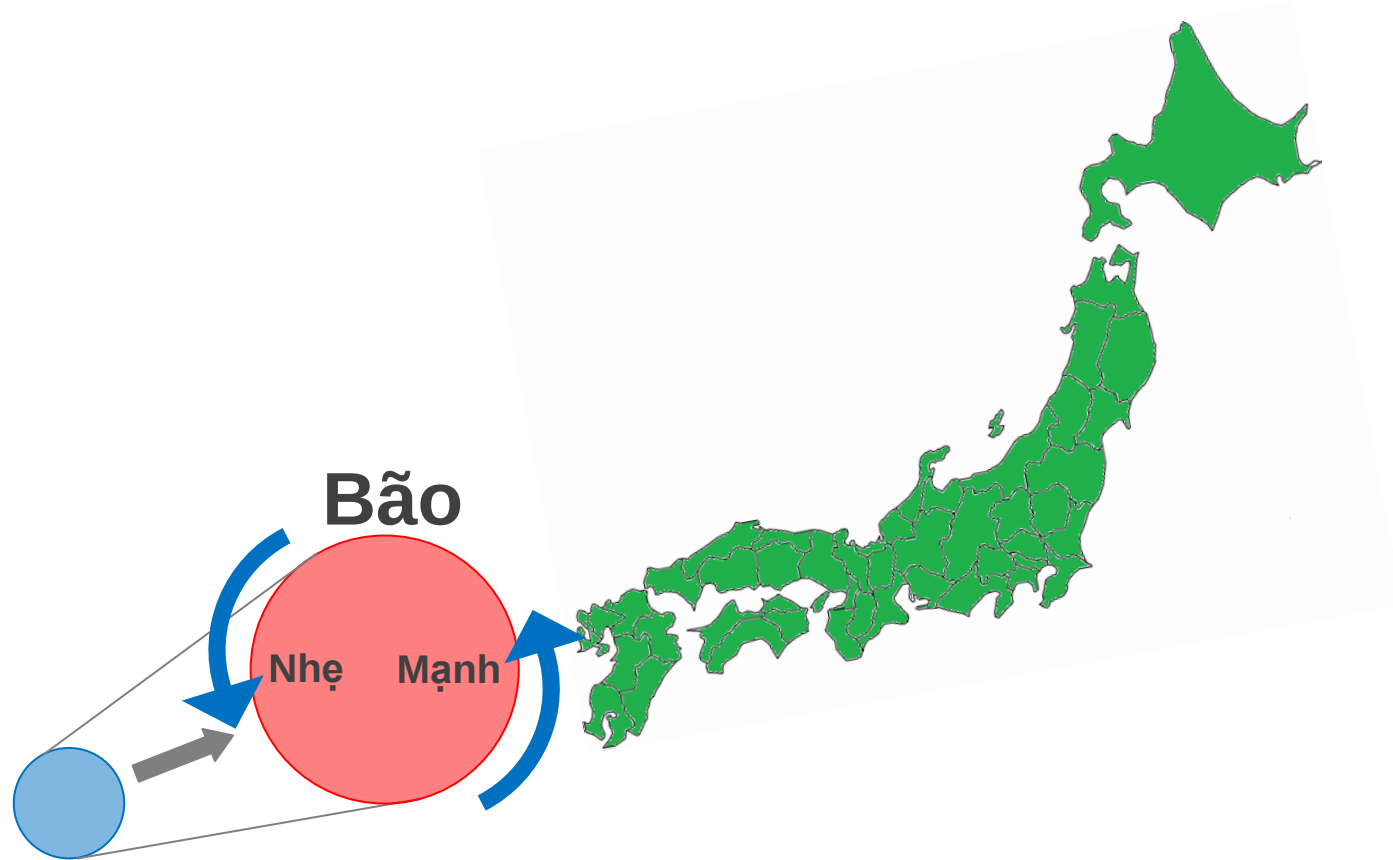


かぜ お つよ 風の向きや強さ



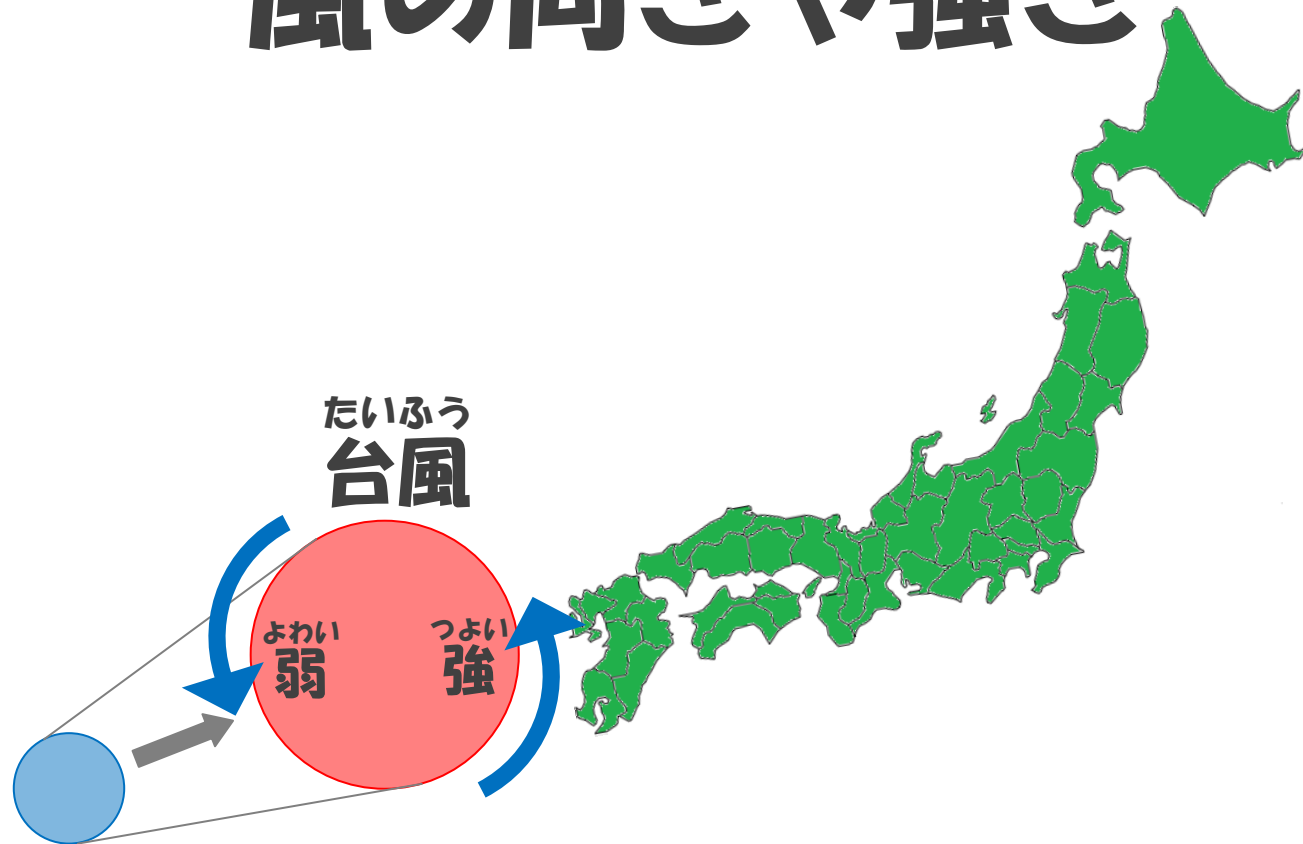
にほん じょういく たいふう なんせい ほくとう お
日本に上陸した台風のほとんどが南西から北東に向
かっすすて進みます。(日本地図の左下から右下に向かう)

Hướng gió và độ mạnh của gió



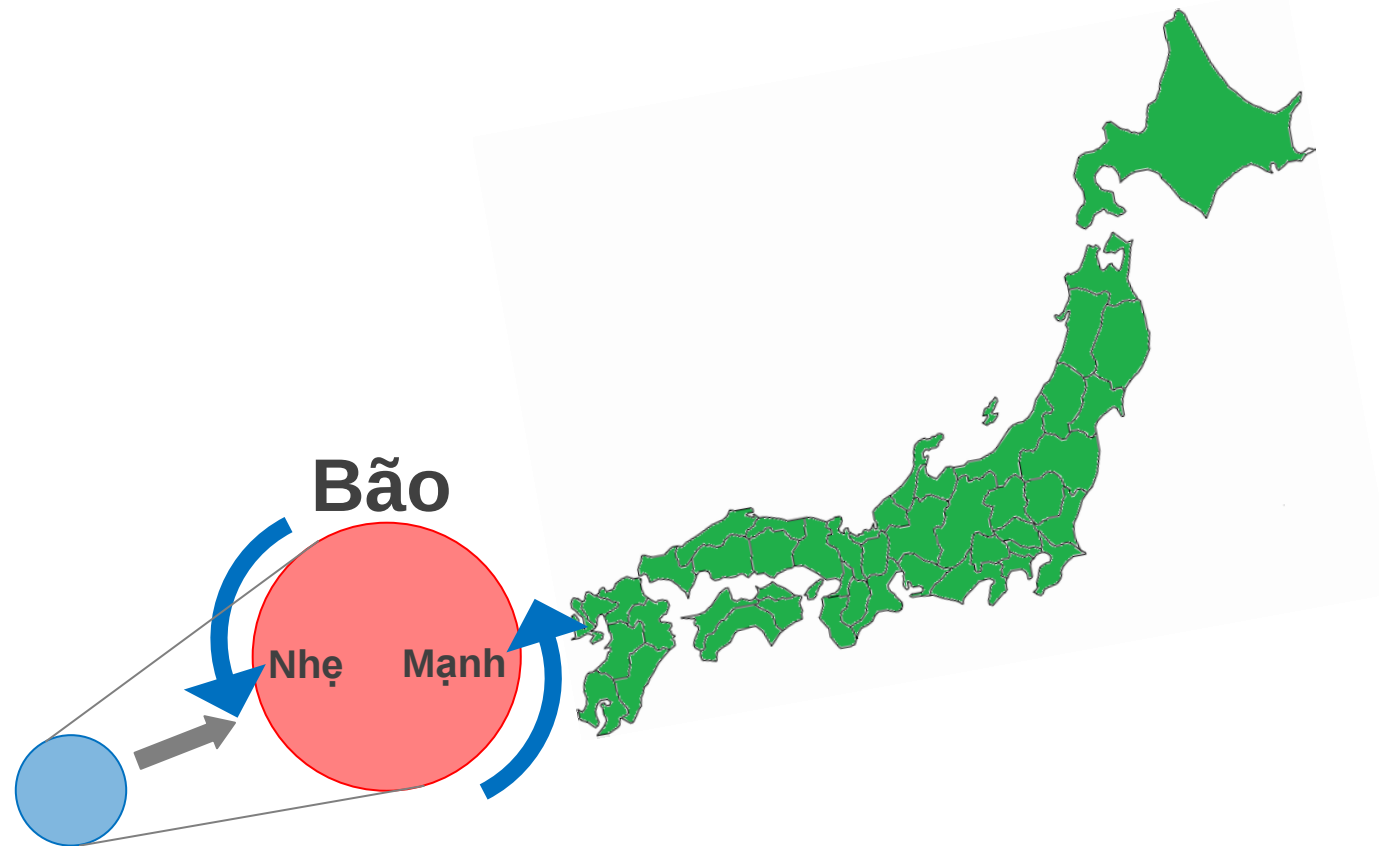
Hầu hết các cơn bão đổ bộ vào Nhật Bản đều đi từ hướng Tây Nam đến hướng Đông Bắc. (Từ phía dưới bên trái sang phía dưới bên phải của bản đồ Nhật Bản)

かぜ む つよ 風の向きや強さ



たいふう あめ かぜ しんこうほうこう みぎがわ つよ ひだりがわ よわ
台風の雨と風は、進行方向の右側が強く、左側が弱く
なっています。あめかぜ つよ とく ちゅうい
雨風が強いときは特に注意しましょう。

Hướng gió và độ mạnh của gió



Mưa và gió của cơn bão sẽ mạnh ở phía bên phải và nhẹ ở phía bên trái của hướng di chuyển. Khi có mưa gió lớn, chúng ta phải đặc biệt chú ý.

どしゃさいがい 3. 土砂災害

へいせい ねん がつ がつ おおあめ ひろ ちいき どしゃさいがい
平成11年6月～7月の大雨により広い地域で土砂災害
お
が起こりました。



ひろしまし あさみなみく さえきく へいせい ねん がつどしゃくず ひがい ようす
広島市 安佐南区、佐伯区 平成11年6月土砂崩れ 被害の様子

3. Sạt lở đất

Vào tháng 6 ~ 7/1999, đã xảy ra vụ sạt lở đất trên diện rộng do mưa lớn.



Hình ảnh thiệt hại do sạt lở đất vào tháng 6/1999 tại Asaminami và Saeki thuộc thành phố

どし しゃ さいがい 土砂災害ってどんなもの？

くず じ
がけ崩れや地すべり、
どせきりゅう
土石流などのこと。

あめ ふ じぼん
雨がいったい降ると地盤
ゆる どし しゃ さいがい お
が緩んで、土砂災害が起こ
りやすくなります。

くず
がけ崩れ



おおあめ ふ じしん
大雨が降ったり地震に
よって地盤がゆる
じぼん ゆる
よって地盤が緩んで、と
くずれ お
つぜん崩れ落ちること。

Sạt lở đất là gì?

Là sạt lở vách dốc, sạt lở mặt đất, sạt lở đất đá, v.v...

Khi mưa rơi nhiều và kéo dài, mặt đất sẽ mềm ra, từ đó rất dễ xảy ra hiện tượng sạt lở đất.

Sạt lở vách dốc



Mưa lớn và động đất khiến cho mặt đất mềm ra, trượt xuống, dẫn đến sụp đổ đột ngột.

じ 地すべり



ゆる さか ねんど
緩やかな坂で粘土のよう
な滑りやすい土に雨がし
み じめん うご
みて地面が動くこと。

どせきりゅう 土石流



なが あめ たいふう おおあめ
長びく雨や台風の大雨で
たに やま じめん つち いし
谷や山の地面の土や石が
みず いっしょ
水と一緒にいっきに流さ
れること。

Sạt lở mặt đất



Nước mưa thấm vào phần đất trơn trượt như đất sét tại các con dốc thoải, khiến cho mặt đất chuyển động.

Sạt lở đất đá



Mưa kéo dài và mưa bão khiến cho đất, đá ở mặt đất của thung lũng và núi bị nước cuốn theo.

ひろしまけん どしゃさいがいきけんくいき やく かしょ にほんいちおお
広島県は土砂災害危険区域が約32,000カ所と日本一多
いところですよ。

やま さか ちか どしゃさいがい お
山や坂の近くでは“土砂災害が起こりやすい”という
ことを覚えておきましょう。



Tỉnh Hiroshima là nơi có nhiều địa điểm có nguy cơ bị sạt lở đất nhiều nhất ở Nhật Bản với khoảng 32.000 địa điểm.

Chúng ta hãy nhớ rằng “Rất dễ xảy ra sạt lở đất” tại các vùng gần núi và sườn dốc.



4. たかしお つなみ 高潮・津波

うみ か せん ちか たかしお つなみ ひがい で
海や河川の近くでは高潮や津波による被害が出ることも
あります。

たかしお
高潮



つなみ
津波



4. Thủy triều dâng cao, sóng thần

Thiệt hại do thủy triều dâng cao hoặc sóng thần thường xảy ra ở những nơi gần vùng biển và sông ngòi.

Thủy triều dâng cao



Sóng thần



たかしお 高潮とは

たかしお かいすいめん たか げんしょう
高潮とは海水面がとても高くなる現象のことです。



広島市の浸水被害の様子

Thủy triều dâng cao

Thủy triều dâng cao là hiện tượng mực nước biển dâng lên rất cao.



Hình ảnh nước ngập gây thiệt hại tại thành phố Hiroshima

うみ みず かわ みず あふ どうろ いえ なか みずびた
海の水や、川の水が溢れて、道路や家の中を水浸しに
してしまおうという被害を及ぼすこともあります。

うみ かわ ちか はな ぼしょ ちゅうい ひつよう
海や川の近くだけでなく、離れた場所でも注意が必要
です。



Nước trên biển và trên sông dâng lên, tràn lan khắp nơi, gây thiệt hại ngập lụt đường xá và nhà ở. Không chỉ ở những nơi gần biển và sông mà ở những nơi ở xa cũng cần phải chú ý.



たかしお お げんいん 高潮が起きる原因

たかしお お げんいん つぎ
高潮が起きる原因には次のようなことがあります。

きあつ ていか たかしお
気圧の低下による高潮



たいふう ていきあつ ちいうしん
台風や低気圧の中心は、
まわりのくうきすあ
まわりの空気を吸い上げ
るので、かいすいめん
海水面もあがります。

Nguyên nhân gây ra thủy triều dâng cao

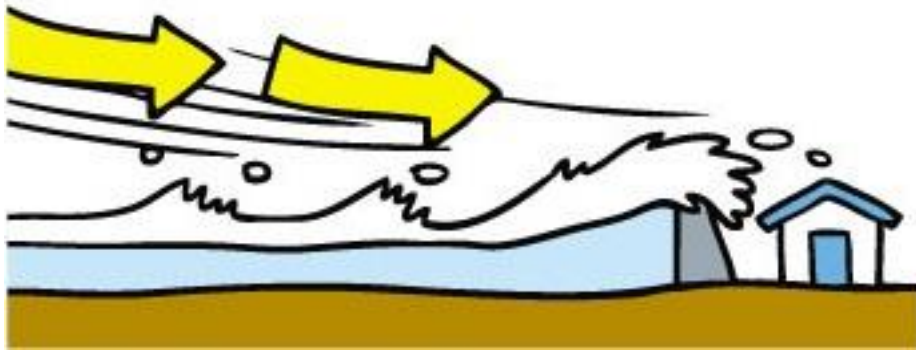
Dưới đây là những nguyên nhân gây ra thủy triều dâng cao.

Thủy triều dâng cao do áp suất không khí giảm



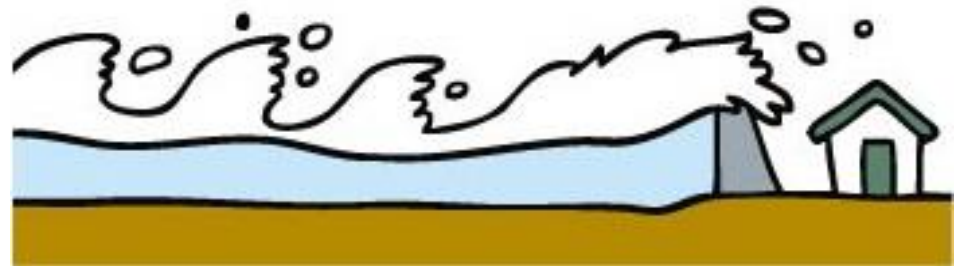
Vì trung tâm của bão và vùng áp suất thấp hút không khí xung quanh nên mực nước biển tăng lên.

^{かぜ} ^ふ ^{たかしお}
風の吹きよせによる高潮



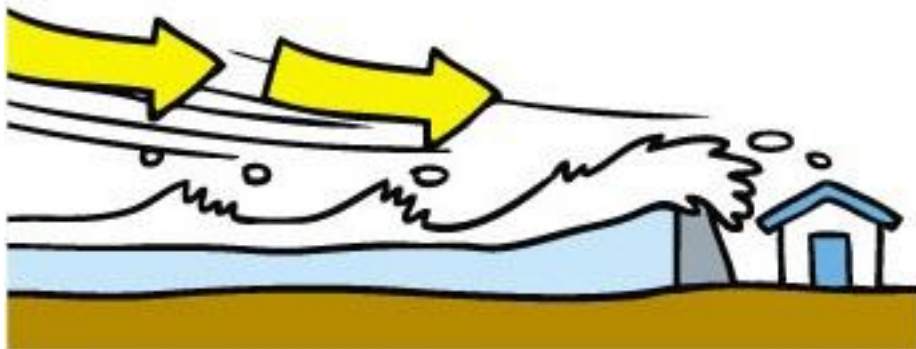
^{つよ} ^{かぜ} ^{うみ} ^{かいがん} ^ふ
強い風が海から海岸へ吹
^{かいすい} ^ふ
くと、海水が吹きよせられ
^{かいめん} ^{じょうしょう}
て海面が上昇します。

^{おおなみ} ^{たかしお}
大波による高潮



^{おお} ^{なみ} ^た ^ま ^お
大きな波が絶え間なく押
^{かいすい}
しよせると、海水がたまっ
^{かいめん} ^{じょうしょう}
て海面が上昇します。

Thủy triều dâng cao do gió thổi



Khi gió mạnh thổi từ ngoài biển vào vùng ven biển thì nước biển sẽ cũng bị cuốn theo và bề mặt biển sẽ dâng cao.

Thủy triều dâng cao do sóng lớn



Khi sóng lớn ập đến dồn dập không ngừng, nước biển sẽ tập trung lại và bề mặt biển sẽ dâng lên cao.

たかしお きけん ばしよ 高潮のときに危険な場所

かこう
河口のまわり



うみ ちか
海の近く、
とく かこうしゅうへん たかしお ひがい
特に河口周辺は高潮の被害を受けやすい
ちけい
地形です。

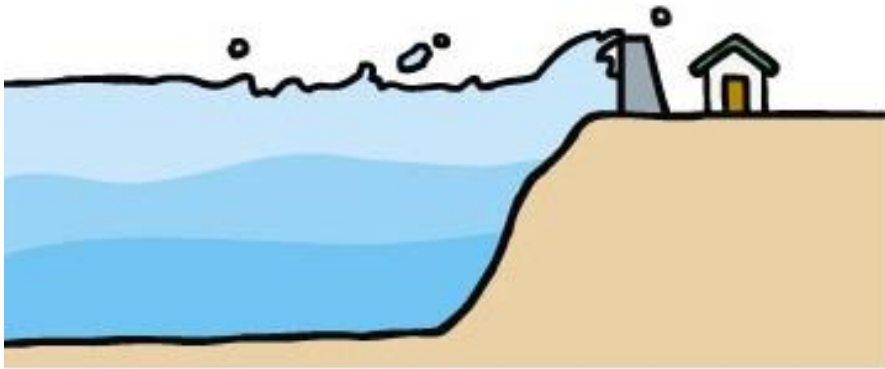
Những nơi nguy hiểm khi thủy

Khu vực quanh cửa sông



Những khu vực ở gần biển, và đặc biệt xung quanh cửa sông là khu vực có địa hình dễ chịu thiệt hại thủy triều dâng cao.

きゅう ふか かいてい ちけい
急に深くなる海底地形

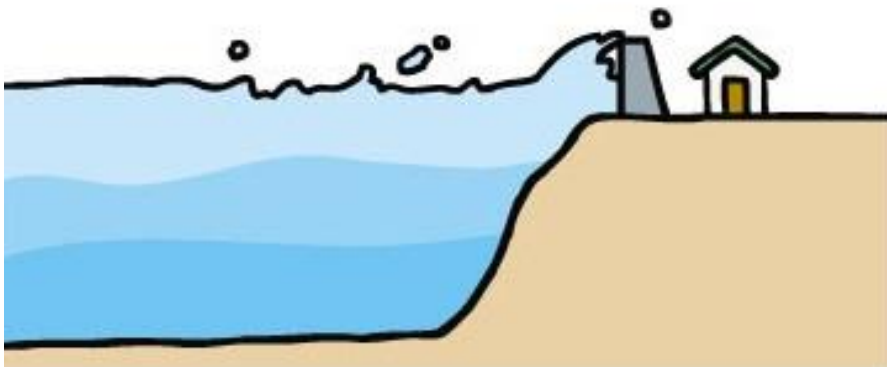


わん おく
湾の奥のほう



ほか ちたい よ かいすいめん ひく
その他にも、ゼロメートル地帯と呼ばれる海水面より低い
とち やま たに ぶいじ かこ ぼしよ しんすい
土地や、山と谷でV字に囲まれた場所など、浸水しやすい
場所があるので気をつけましょう。

Địa hình đáy biển sâu đột ngột



Bên trong vịnh



Ngoài ra, chúng ta hãy chú ý những nơi dễ ngập nước, chẳng hạn như khu vực thấp hơn mực nước biển - nơi đất thấp hơn mực nước biển, những nơi được bao bọc thành hình chữ V trong thung lũng và núi.

つなみ 津波

うみぞ ちいき じしん つなみ
海沿いの地域では、地震のあと津波が発生する危険が
あります。 ひがしにほんだいしんさい つなみ ひがい
東日本大震災では、津波による被害のほう
がおお ししゃ ゆくえふめいしゃ
が大きく、死者・行方不明者もたくさんでました。



ひがしにほんだいしんさい ひがい ようす
東日本大震災の被害の様子



Sóng thần

Tại các khu vực dọc theo bờ biển thường có nguy cơ xảy ra sóng thần sau trận động đất. Trong thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản, nhiều thiệt hại rất lớn đã xảy ra do sóng thần, nhiều người thiệt mạng và mất tích.



Hình ảnh về thiệt hại từ thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản

つなみ ちゅういてん 津波の注意点

① ^{おきあ}沖合いではジェット ^{きな}機並みの^{はや}速さ！

1 番 速 い 時 は 時 速 800km ~
1,000km になり、陸でも車と同じ
くらいの速さでおそってきます。

② ^{ちい}小さなゆれや^{がいこく}外国の ^{じしん}地震でもやってくる！

ゆれが小さかったり、遠く離れた
ところで起きた地震であっても
津波がくる危険性があります。

③ ^{つなみ}津波は^{たか}とても高い！

津波の高さはわたしたちの想像
を超えます。東日本大震災では、
40m を超える位置まで津波の高さ
が観測されました。

④ ^{つなみ}津波は^{なんと}何度もおそっ てくる！

津波は2回、3回とおそってきます。
最初の津波が去っても注意を
おこたらないようにしましょう。

Điểm chú ý về sóng thần

① Tốc độ nhanh như máy bay phản lực ở ngoài khơi!

Tốc độ nhanh nhất có thể lên đến 800 km ~ 1.000 km/h, ngay cả trên đất liền thì sóng thần cũng đạt tốc độ nhanh như một chiếc xe.

② Những rung động nhỏ hoặc những trận động đất ở phạm vi ngoài quốc gia cũng có thể gây ra sóng thần!

Sóng thần có khả năng sẽ ập đến ngay cả khi đó chỉ là những rung động nhỏ hoặc động đất xảy ra ở những nơi có khoảng cách xa.

③ Sóng thần rất cao!

Chiều cao của sóng thần thậm chí vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Trong thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản, chiều cao của sóng thần đã được dự đoán là đến hơn 40m.

④ Sóng thần ập vào đất liền nhiều lần!

Sóng thần có thể ập vào đất liền 2, 3 lần. Chúng ta không nên lơ là mất cảnh giác dù cho cơn sóng đầu tiên đã qua đi.

^{ひろしまけん}いま広島県には、^{ひがしにほんだいしんさい}東日本大震災ほどの^{おお}大きな^{つなみ}津波はこ
^{かんが}ないと考えられています。

ですが、いつ、どこで、どんなときに^{つなみ}津波にあうか^わ分かりません。

^{つなみ}津波の^{とくちょう}特徴と^{こわ}怖さを^し知っておきましょう。

Người ta cho rằng ở tỉnh Hiroshima sẽ không thể có cơn sóng thần nào lớn như cơn sóng thần từ thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản.

Nhưng chuyện sóng thần sẽ xảy ra vào khi nào, ở đâu, thời điểm nào thì đó là điều không ai biết trước được.

Chúng ta hãy trang bị trước kiến thức về đặc điểm và sự khủng khiếp của sóng thần.

5. 地震

へいせい ねん がつ にち にほん かんそくしじょうさいだい
平成23年3月11日、日本の観測史上最大のエネルギーを持つ大地震が起こりました。

ひがしにほん だいしんさい やく まん せん にん たすう
この「東日本大震災」は約1万9千人という多数の死者・行方不明者を出しました。

じしん かじ
また、地震のあとには、火事の被害も多く発生します。



5. Động đất

Vào ngày 11/3/2011, một trận động đất lớn với năng lượng lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử quan trắc của Nhật Bản đã xảy ra.

Thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản” này đã khiến cho khoảng 19.000 người thiệt mạng và mất tích.

Hơn nữa, thiệt hại về hỏa hoạn cũng đã xảy ra rất nhiều sau trận động đất.



マグニチュードと震度^{しんど}

地震^{じしん}のエネルギーの大きさ^{おお}さをマグニチュード、各地域^{かくちいき}での地震^{じしん}の揺れ^ゆの大きさ^{おお}さを震度^{しんど}と言います。^い

震度^{しんど}は震源地^{しんげんち}から離れる^{はな}ほど小さ^{ちい}くなります。

マグニチュードが1^あ上がると、エネルギーの大きさ^{おお}さは32倍^{ばい}にもなります。

Cường độ động đất và độ rung lắc

Độ lớn của năng lượng động đất được gọi là cường độ động đất, và độ lớn về sự rung chuyển của động đất tại mỗi khu vực được gọi là độ rung lắc.

Độ rung lắc sẽ giảm dần khi di chuyển ra xa khỏi chấn tâm.

Khi cường độ động đất tăng lên 1, thì độ lớn của năng lượng sẽ tăng gấp 32 lần.

ひがしにほんだいしんさい ひがい ようす
東日本大震災の被害の様子



(財) 消防科学総合センター

災害写真データベースより

じしん お わ
地震はいつどこで起こるか分かりません。

もしものときのために、ひごろ ひじょうもちだしひん ひなん
もしものときのために、日頃から非常持出品や避難

ばしょ かぞく れんらく ほうほう はな あ
場所、家族で連絡をとる方法を話し合っておくことが

たいせつ
大切です。

Hình ảnh về thiệt hại từ thảm họa động đất lớn phía Đông Nhật Bản



Từ cơ sở dữ liệu hình ảnh thiên tai của Viện phương pháp khoa học về hỏa hoạn và thiên tai

Chúng ta không biết được động đất sẽ xảy ra khi nào và ở đâu.

Điều quan trọng là khi thiên tai chưa xảy ra, chúng ta cần phải trao đổi trước về những vật dụng cần thiết lúc nguy cấp, địa điểm di tản, và phương pháp giữ liên lạc với gia đình để phòng ngừa trong trường hợp khẩn cấp.

ぼうさい こころえ 防災の心得

さいがい じかん ばしょ はっせい かのうせい
災害は、どんな時間、どんな場所にも発生する可能性
があります。

じぶん だいじょうぶ おも さいがい よ し
自分だけは大丈夫と思わずに、災害について良く知り、
ひごろ じゅんび
日頃から準備をしっかりとしておきましょう。

この資料は財団法人自治体国際化協会の
助成により作成されています

Hiểu biết về thiên tai

Thiên tai có thể xảy ra ở bất cứ thời điểm nào, bất cứ nơi đâu.

Chúng ta không nên có suy nghĩ rằng chỉ có bản thân mình là không sao, hãy trang bị kiến thức về thiên tai và chuẩn bị kỹ lưỡng mỗi ngày.

Tài liệu này được tạo dưới sự hỗ trợ của Hiệp
hội quốc tế hoá cấp tỉnh, thành phố